**Bảng thiết kế ma trận đề thi cuối học kì 2 môn Toán lớp 5**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức  2** | **Mức  3** | **Mức 4** | ***Tổng*** |
|   |   | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | *TN* | *TL* |
| 1 | Số học | Số câu | 1 |   | 2 |   |   | 1 | 1 |   | *4* | *1* |
|   |   | Câu số | 1 |   | 2, 4 |   |   | 8 | 6 |   |  |  |
|   |   | Số điểm | 0,5 đ |   | 2 đ |   |   | 2 đ | 1 đ |   | *3,5 đ* | *2 đ* |
| 2 | Đại lượng và đo đại lượng | Số câu | 1 |   |   |   |   |   |   |   | *1* |  |
|   |   | Câu số | 3 |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
|   |   | Số điểm | 0,5 đ |   |   |   |   |   |   |   | *0,5 đ* |  |
| 3 | Yếu tố hình học | Số câu |   |   |   |   | 1 |   |   |   | *1* |  |
|   |   | Câu số |   |   |   |   | 7 |   |   |   |  |  |
|   |   | Số điểm |   |   |   |   | 1 đ |   |   |   | *1 đ* |  |
| 4 | Số đo thời gian và toán chuyển động đều | Số câu |   |   |   |   | 1 | 1 |   | 1 | *1* | *2* |
|   |   | Câu số |   |   |   |   | 5 | 9 |   | 10 |  |  |
|   |   | Số điểm |   |   |   |   | 1 đ | 1 đ |   | 1 đ | *1 đ* | *2 đ* |
| *Tổng số câu* | *2* |  | *2* |  | *2* | *2* | *1* | *1* | *7* | *3* |
| *Tổng số* | *2* | *2* | *4* | *2* | *10* |
| *Số điểm* | *1 điểm* | *2 điểm* | *5 điểm* | *2 điểm* | *10 điểm* |

**Nội dung đề kiểm tra cuối học kì 2 môn Toán lớp 5 theo Thông tư 22**

**Trường TH Phan Đăng Lưu Thứ............., ngày ... tháng ... năm 20......**

**Họ và tên:............................................. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**Lớp: 5........... Môn: Toán**

 **Thời gian: 40 Phút**

 **Năm học: 2017 – 2018**

**Câu 1:** Chữ số 5 trong số 162,57 chỉ: (0,5 điểm)

A. 5 đơn vị                  B. 5 phần trăm               C. 5 chục              D. 5 phần mười

**Câu 2:** Hỗn số  được viết dưới dạng phân số là: (1 điểm)



**Câu 3:** 5840g = .... kg (0,5 điểm)

A. 58,4kg               B. 5,84kg              C. 0,584kg               D. 0,0584kg

**Câu 4:** Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy 1/5 số viên bi có màu: (1 điểm)

A. Nâu                  B. Đỏ                    C. Xanh                    D. Trắng

**Câu 5:** Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (1 điểm)

A. 10 phút               B. 20 phút               C. 30 phút                D. 40 phút

**Câu 6:** Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?: (1 điểm)

A. 150%                B. 15%                      C. 1500%                     D. 105%

**Câu 7:** Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm)

A. 150 m3              B. 125 m3                  C. 100 m3                 D. 25 m3

**Câu 8:**  (2 điểm)

a) Tìm y, biết: 34,8 : y = 7,2 + 2,8

b) Tính: 21,22 + 9,072 x 10 + 24,72 : 12

**Câu 9:** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ? (1 điểm)

**Câu 10**: Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100m2 thu được 15kg thóc. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?

b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (1 điểm)

**Đáp án và hướng dẫn giải môn Toán học kì 2 lớp 5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | 6 | 7 |
| Ý đúng | *D* | *D* | *B* | *C* | *D* | *A* | *B* |
| Điểm | *0,5 điểm* | *1 điểm* | *0,5 điểm* | *1 điểm* | *1 điểm* | *1 điểm* | *1 điểm* |

**Câu 8:** Tìm y, biết: (2 điểm)

a) 34,8 : y = 7,2 + 2,8

34,8 : y = 10

y = 34,8 : 10

y = 3,48

b) 21,22 + 9,072 x 10 + 24,72 : 12

        = 21,22 + 90,72 + 2,06

        = 114

**Câu 9:** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ? (1 điểm)

Bài giải

Thời gian xe máy đi hết quảng đường AB là:

9 giờ 30 phút – 8 giờ 30 phút = 1 (giờ)

Vận tốc trung bình của xe máy là:

60 : 1 = 60 (km/giờ)

Đáp số: 60 km/giờ

**Câu 10:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100m2 thu được 15kg thóc. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?

b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (1 điểm)

Bài giải

a ) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

120 x 90 = 10800 (m2)

b) Cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được số tạ thóc là: 10800 : 100 x 15 = 1620 (kg) = 16,2 (tạ)

Đáp số: a) 10800m2; b) 16,2 tạ

**Trường TH Phan Đăng Lưu** *Thứ............. ngày ... tháng ... năm 20......*

**Họ và tên:................................................ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**Lớp: 5........... Năm học: 2017 – 2018**

 **Môn: Tiếng việt**

 **Thời gian: 90 Phút**

**Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.

Nội dung kiểm tra: Các bài đã học từ tuần 29 đến tuần 34, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bốc thăm và đọc thành tiếng. Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, thơ khoảng 100 tiếng/phút (trong bài bốc thăm được) sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

a. Đọc thầm bài văn sau:

**Công việc đầu tiên**

Một hôm, anh Ba Chẩn gọi tôi vào trong buồng đúng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói:

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chớ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thỏm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào ầm lên: "Cộng sản rải giấy nhiều quá!"

Mấy tên lính mã tà hớt hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành. Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh! (*Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định)*

**Câu 1:** Viết vào chỗ chấm: Tên công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì? (0,5 điểm)

.......................................................................................................................................

**Câu 2:** Anh Ba chuẩn hỏi Út có dám rải truyền đơn không? (0,5 điểm)

A. Dám
B. Không
C. Mừng
D. Tất cả các ý trên.

**Câu 3:** Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên? (0,5 điểm)

A. Chị bồn chồn, thấp thỏm, ngủ không yên, nửa đêm dậy ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
B. Chị dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu đưa đơn.
C. Đêm đó chị ngủ yên.
D. Tất cả các ý trên.

**Câu 4**: Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn? (1 điểm)

A. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
B. Giả đi bán cá như mọi hôm. Tay bê rổ cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.
C. Cả hai ý trên đều đúng.
D. Cả hai ý trên đều sai.

**Câu 5**: Vì sao chị Út muốn thoát li? (0,5 điểm)

A. Vì chị Út yêu nước, yêu nhân dân.
B. Vì chị Út ham hoạt động, muốn làm được thật nhiều việc cho cách mạng.
C. Cả hai ý trên đều đúng.
D. Cả hai ý trên đều sai.

**Câu 6**: Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung bài văn? (1 điểm)

A. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định yêu nước, yêu nhân dân.
B. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định cho thấy nguyện vọng, lòng nhiệt thành của một người phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn đóng góp sức mình cho Cách mạng.
C. Cả hai ý trên đều đúng.
D. Cả hai ý trên đều sai.

**Câu 7:** Câu "Út có dám rải truyền đơn không?" (0,5 điểm)

A. Câu hỏi.          B. Câu cầu khiến.
C. Câu cảm.        D. Câu kể.

**Câu 8:** Dấu phẩy trong câu: "Độ tám giờ, nhân dân xì xầm ầm lên." có tác dụng gì? (0,5 điểm)

A. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
C. Ngăn cách các vế trong câu ghép.
D. Ngăn cách các vế trong câu đơn.

**Câu 9:** Bác Hồ đã khen tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng, em hãy cho biết tám chữ đó là gì? (1 điểm)

**..................................................................................................................................................................................................................................................................................**

**Câu 10:** Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1điểm)

(đất nước; ngày mai)

Trẻ em là tương lai của.......................................... Trẻ em hôm nay, thế giới....................................;

**Kiểm tra viết: (10 điểm)**

1. **Chính tả** nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: Sang năm con lên bảy. (từ Mai rồi con lớn khôn...đến hết). (SGK Tiếng việt 5, tập 2, trang 149).

2. **Tập làm văn**: (8 điểm) (25 phút)

Em hãy tả người bạn thân của ở trường.

## HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

**A – Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Đánh giá, cho điểm. Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau:

a. Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu (không quá 1 phút): 0,5 điểm

(Đọc từ trên 1 phút – 2 phút: 0,25 điểm; đọc quá 2 phút: 0 điểm)

b. Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát: 1 điểm

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên: 0 điểm)

c. Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 – 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)

d. Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1điểm

(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

\* Lưu ý: Đối với những bài tập đọc thuộc thể thơ có yêu cầu học thuộc lòng, giáo viên cho học sinh đọc thuộc lòng theo yêu cầu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập đạt số điểm như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Ý đúng | A | A | C | B | B | A | B |
| Điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm |

Câu 1: Rải truyền đơn (0,5 điểm)

Câu 9: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang (1 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1điểm)

Trẻ em là tương lai của đất nước. Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai.

**B – Kiểm tra viết: (10 điểm)**

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

- GV đọc cho HS viết, thời gian HS viết bài khoảng 15 phút.

- Đánh giá, cho điểm: Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ và đúng theo đoạn văn (thơ) 2 điểm.

- Học sinh viết mắc từ 2 lỗi chính tả trong bài viết (sai – lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,...bị trừ 1 điểm toàn bài.

2. Tập làm văn: (8 điểm) (25 phút):; Đánh giá, cho điểm

- Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 8 điểm:

+ Học sinh viết được một bài văn thể loại theo yêu cầu của đề (có mở bài, thân bài, kết bài) một cách mạch lạc, có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.

+ Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

+ Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch đẹp.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết.

\* Bài đạt điểm 8 khi học sinh có sử dụng ít nhất từ 1 đến 2 biện pháp nghệ thuật trong tả người.

### BẢNG THIẾT KẾ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG VIỆT LỚP 5 HỌC KÌ 2

 **Bài kiểm tra đọc**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
|  |  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1 | Đọc hiểu văn bản | Số câu | 2 |   | 1 | 1 | 1 |   | 1 |   | 5 | 1 |
|  |  | Câu số | 2, 5 |   | 3 | 1 | 4 |   | 6 |   |   |   |
|  |  | Số điểm | 1 đ |   | 0,5 đ | 0,5 đ | 1 đ |   | 1 đ |   | 3,5 đ | 0,5 đ |
| 2 | Kiến thức tiếng Việt | Số câu | 1 |   | 1 |   |   | 1 |   | 1 | 2 | 2 |
|  |  | Câu số | 7 |   | 8 |   |   | 10 |   | 9 |   |   |
|  |  | Số điểm | 0,5 đ |   | 0,5 đ |   |   | 1 đ |   | 1 đ | 1 đ | 2 đ |
| Tổng số câu | 3 |   | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 7 | 3 |
| Tổng số | 3 | 3 | 2 | 2 | 10 |
| Tổng số điểm | 1,5 điểm | 1,5 điểm | 2 điểm | 2 điểm | 7 điểm |

 **Bài kiểm tra viết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
|   |   | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1 | Viết chính tả | Số câu |   |   |   | 1 |   |   |   |   |   | 1 |
|   |   | Câu số |   |   |   | 1 |   |   |   |   |   | 1 |
|   |   | Số điểm |   |   |   | 2 đ |   |   |   |   |   | 2 đ |
| 2 | Viết văn | Số câu |   |   |   |   |   | 1 |   |   |   | 1 |
|   |   | Câu số |   |   |   |   |   | 2 |   |   |   | 2 |
|   |   | Số điểm |   |   |   |   |   | 8 đ |   |   |   | 8 đ |
| Tổng số câu |   |   |   | 1 |   | 1 |   |   |   | 2 |
| Tổng số |   | 1 | 1 |   | 2 |
| Tổng số điểm |   | 2 điểm | 8 điểm |   | 10 điểm |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**(Thời gian 90 phút không kể thời gian chép đề)**

**A. Kiểm tra đọc**

**I. Đọc thành tiếng (3 điểm)**

**II. Đọc thầm: (7 điểm)**

**Tà áo dài Việt Nam**

Phụ nữ Việt Nam xưa hay mặc áo lối mớ ba, mớ bảy, tức là mặc nhiều áo cánh lồng vào nhau. Tuy nhiên, với phong cách tế nhị, kín đáo, người phụ nữ Việt thường mặc chiếc áo dài thẫm màu bên ngoài, lấp ló bên trong mới là các lớp áo cánh nhiều màu (vàng mỡ gà, vàng chanh, hồng cánh sen, hồng đào, xanh hồ thủy,..)

Từ đầu thế kỉ XIX đến sau năm 1945, ở một số vùng, người ta mặc áo dài kể cả khi lao động nặng nhọc. Áo dài phụ nữ có hai loại: áo tứ thân và áo năm thân. Phổ biến hơn cả là áo tứ thân, được may từ bốn mảnh vải, hai mảnh sau ghép liền ở giữa sống lưng. Đằng trước là hai vạt áo, không có khuy, khi mặc bỏ buông hoặc buộc thắt vào nhau. Áo năm thân cũng may như áo tứ thân, chỉ có điều vạt trước phía trái may ghép từ hai thân vải, thành ra rộng gấp đôi vạt phải.

Từ những năm 30 của thế kỉ XX, chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến dần thành chiếc áo dài tân thời. Chiếc áo dài tân thời là dự kết hợp hài hòa giữa phong cách dân tộc tế nhị, kín đáo với phong cách phương Tây hiện đại, trẻ trung.

Áo dài trở thành biểu tượng cho y phục truyền thống của Việt Nam. Trong tà áo dài, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam như đẹp hơn, tự nhiên, mềm mại và thanh thoát hơn.

1. Loại áo dài nào ngày xưa thường được phổ biến nhất hơn cả? (0,5đ) (M1)

A. Áo hai thân
B. Áo tứ thân
C. Áo năm thân

2. Chiếc áo dài có vai trò như thế nào trong trang phục của phụ nữ Việt Nam xưa? (M2) (1đ)

A. Tạo nên phong cách tế nhị, kín đáo cho người phụ nữ Việt.
B. Tạo nên một hình ảnh duyên dang thướt tha cho người phụ nữ Việt.
C. Cả hai ý trên đều đúng.

3. Vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam? (M2) (1đ)

A. Vì áo dài bó sát người phụ nữ và có hai tà áo bay bay trước gió.
B. Vì chiếc áo dài thể hiện phong cách tế nhị, kín đáovà vẻ đẹp dịu dàng của người phụ nữ Việt Nam
C. Cả hai ý trên đều đúng.

4. Hai câu dưới dây liên kết với nhau bằng cách nào? (M2) (1đ)

"Áo dài trở thành biểu tượng cho y phục truyền thống của Việt Nam. Trong tà áo dài, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam như đẹp hơn, tự nhiên, mềm mại và thanh thoát hơn.."

A. Bằng cách lặp từ ngữ.
B. Băng cách thay thế từ ngữ.
C. Bằng cách dùng từ nối.

5. Dấu phẩy trong câu "Từ những năm 30 của thế kỉ XX, chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến dần thành chiếc áo dài tân thời." có tác dụng gì? (M2) (1đ)

A. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.
B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
C. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

6. Dấu hai chấm trong câu "Áo dài phụ nữ có hai loại: áo tứ thân và áo năm thân." Có tác dụng gì? (M1) (0,5 đ)

A. Để dẫn lời nói trục tiếp của nhân vật.
B. Báo hiệu bộ phận đứng sau giải thích cho bộ phận đứng trước.

**Tự luận**

7. Điền cặp quan hệ từ thích hợp vào chỗ chấm trong câu ghép sau.(M3) (1đ)

Chiếc áo dài................ tạo nên một phong cách tế nhị, kín đáo cho người phụ nữ Việt Nam ............ nó còn tạo nên một hình ảnh duyên dáng, thướt tha cho phụ nữ.

8. Chiếc áo dài tân thời tân thời có đặc điềm gì? (M4) (1đ)

**B/ Kiểm tra viết (10 điểm)**

**1/ Chính tả. Nghe – Viết: (2 điểm)**

**Ông tôi**

Nghe bố tôi kể thì ông tôi vốn là một thợ gò hàn vào loại giỏi. Chính mắt tôi đã trông thấy ông chui vào nồi hơi xe lửa để tán đinh đồng. Cái nồi hơi tròn, to phơi bỏng rát dưới cái nắng tháng bảy như cái lò bánh mì, nóng khủng khiếp. Quạt máy, quạt gió mạnh tới cấp bảy, thổi như vũ bão, vậy mà tóc ông cứ bếch vào trán. Ông tôi nện búa vào đầu đinh đồng mới dồn dập làm sao. Tay búa hoa lên, nhát đậm, nhát mờ, nhát nghiêng, nhát thẳng, chính xác và nhanh đến mức tôi chỉ mơ hồ cảm thấy trước mặt ông tôi phất phơ bay những sợi tơ mỏng.

**2/ Tập làm văn: (8 điểm)** Em hãy tả một người thân trong gia đình mà em yêu quý nhất.

**Đáp án và hướng dẫn giải môn Tiếng Việt lớp 5**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| B | C | B | A | B | B |

7. Cặp quan hệ từ: Không chỉ ... mà....; không những....mà....

8. Chiếc áo dài tân thời tân thời có đặc điểm là:

Chiếc áo dài tân thời là chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến gồm chỉ hai thân vải phía trước và phía sau. Chiếc áo dài tân thời là dự kết hợp hài hòa giữa phong cách dân tộc tế nhị, kín đáo với phong cách phương Tây hiện đại, trẻ trung.

**Bảng ma trận đề kiểm tra học kì 2 Tiếng Việt lớp 5**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | ***Tổng*** |
|  |  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | *TN* | *TL* |
| 1 | Đọc hiểu văn bản | Số câu | 1 |   | 2 |   |   |   |   | 1 | *5* | *1* |
|  |  | Câu số | 1 |   | 2,3 |   |   |   |   | 8 |   |   |
|  |  | Số điểm | 0,5 đ |   | 2 đ |   |   |   |   |   | *3,5 đ* | *0,5 đ* |
| 2 | Kiến thức tiếng Việt | Số câu | 1 |   | 2 |   |   | 1 |   |   | *2* | *2* |
|  |  | Câu số | 6 |   | 4,5 |   |   | 7 |   |   |   |   |
|  |  | Số điểm | 0,5 đ |   | 2đ |   |   | 1 đ |   |   | *1 đ* | *2 đ* |
| *Tổng số câu* | *2* |   | *4* |   |   | *1* |   | 1 | *7* | *3* |
| *Tổng số* | *2* | *4* | *1* | *1* | *10* |
| *Tổng số điểm* | *1 điểm* | *4 điểm* | *1 điểm* | *1 điểm* | *7 điểm* |